

HÓA ĐƠN ĐI CHỢ

Bữa ăn: Sáng - Trưa - Xế (Sáng - Trưa - Phụ - Xế)
Độ tuổi: Mẫu giáo (3 - 6 tuổi)
Số trẻ: 134

Số tiền mỗi trẻ: 37,000

Thực đơn:
Sáng: Hủ tiếu tôm khô, khoai tây, nấm đông cô tươi, củ cải, cải bó xôi, hẹ lá, ngò gai
- Uống sữa Netsure
Trưa: Cơm trắng
- Sườn non kho thơm, ớt chuông đỏ, vàng, nước dừa tươi
- Canh thịt bò nấu khoai mì, hành lá, ngò rí
- Mướp luộc
Xế: Sữa chua
Xế chiều: Miến xào thịt gà, hành tây, cải thìa, nấm bào ngư, khổ qua tây, cà rốt

Stt	Mã hàng	Tên thực phẩm	Khối lượng thực (g)	Đơn giá (đồng/100g)	Thành tiền (đồng)
	* CHỢ				
1	0695	Dầu thực vật Tường An	1,600	3,140	50,240
2	0494	Đường cát	1,300	3,880	50,440
3	N0966	Muối Iot	800	740	5,920
4	0522	Nước mắm cá (loại đặc biệt)	1,000	6,160	61,600
5	0523	Nước mắm loại I	800	4,400	35,200
6	0004	Gạo tẻ máy	7,500	2,560	192,000
7	0120	Hành lá (hành hoa)	450	8,400	37,800
8	0164	Rau mùi (ngò rí)	350	8,930	31,255
9	0119	Hành tím (hành củ tươi)	200	6,300	12,600
10	0185	Tỏi ta	200	7,460	14,920
11	0426	Tôm khô	250	78,100	195,250
12	N0755	Hủ tiếu	2,200	4,290	94,380
13	N0779	Cải bó xôi	400	9,870	39,480
14	0103	Củ cải trắng	600	3,150	18,900
15	0124	Hẹ lá	150	6,090	9,135
16	0037	Khoai tây	600	3,990	23,940
17	0209	Nấm hương tươi (nấm đông cô)	200	27,300	54,600
18	0165	Rau mùi tàu (ngò gai)	150	6,510	9,765
19	0537	Nước dừa non tươi	2,500	3,890	97,250
20	0143	Ớt chuông đỏ	600	11,030	66,180
21	0226	Khóm (Dứa ta)	1,500	2,940	44,100
22	0365	Thịt heo (nạc vai)	1,000	17,850	178,500
23	0335	Sườn heo	4,100	25,520	1,046,320
24	0027	Củ sắn (khoai mì)	4,000	2,630	105,200

25	0136	Muróp	1,100	4,520	49,720
26	0286	Thịt bò loại II	1,400	36,750	514,500
27	0038	Miến dong	3,200	7,260	232,320
28	0097	Cải thìa (cải trắng)	600	6,510	39,060
29	0121	Hành tây	400	3,570	14,280
30	N0778	Nấm bào ngư	400	13,130	52,520
31	N0772	Thịt ức gà	1,850	12,920	239,020
32	0138	Muróp Nhật (khô qua Tây)	500	4,830	24,150
33	0457	Sữa bột toàn phần	3,156.95	20,500	647,175
34	0455	Sữa chua	6,700	9,440	632,480
35	0089	Cà rốt	600	6,300	37,800
Tổng cộng					4,958,000

Tổng tiền thực phẩm	4,958,000
Tổng chi phí khác	0
Tiền được chi trong ngày	4,957,999
Số dư đầu ngày	-1
Số dư cuối ngày	-1
Suất ăn lũy kế từ đầu tháng	0
Tiêu chuẩn lũy kế từ đầu tháng	45,473,000
Tiền chi lũy kế từ đầu tháng	45,473,001

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

CẤP DƯỠNG

KẾ TOÁN

Nguyễn Thị Huỳnh Lê

Nguyễn Thị Mỹ

Ngô Thị Ngọc Lan